| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 17/01/2022.
*V/v "Tranh chấp nợ chung sau khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Quách Thanh Bình

*Các Thẩm phán*: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Nguyễn Hoàng Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, về việc "Tranh chấp nợ chung sau khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 553/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3924/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1963

Địa chỉ: 40/1/6 đường A, ấp B, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B (Giấy ủy quyền công chứng số 028158 ngày 04/11/2020 tại Văn phòng công chứng Dương Thái Hoàng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 3 Nguyễn Thị S, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh A, sinh năm 1964

Địa chỉ: 25/2B đường 468, ấp An B, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hữu T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn - ông Lê Hữu T trình bày:*** Ông và bà Huỳnh A tự nguyện thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Củ Chi ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 955/2016/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2016. Ngày 12/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 03/2019/QĐST-KDTM buộc ông và bà Huỳnh A có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi phạt tính đến ngày 04/3/2019 tổng cộng là 707.195.628 đồng. Ngoài ra ông và bà Huỳnh A phải chịu thêm tiền lãi phát sinh đối với dư nợ gốc kể từ ngày 05/3/2019 đến khi trả hết số tiền nợ gốc theo lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 1333/HĐTD ngày 12/9/2013. Đến ngày 28/8/2019, ông đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự chung của ông và bà Huỳnh A, ông đã nộp tiền trả nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi phạt tính đến ngày 28/8/2019 tổng cộng là 750.000.000 đồng. Đồng thời ông đã đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 16.143.913 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc bà Huỳnh A phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, buộc bà Huỳnh A phải hoàn trả lại cho ông ½ số tiền 750.000.000 đồng mà ông đã trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời buộc bà Huỳnh A phải trả cho ông ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 16.143.913 đồng, là 8.071.956 đồng. Tổng cộng buộc bà Huỳnh A phải hoàn trả cho ông là 383.071.956 đồng.

Thời điểm ông trả nợ cho Ngân hàng là ông cùng với người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (phần đất đã thế chấp Ngân hàng để vay tiền) đến trực tiếp Phòng giao dịch của Ngân hàng, ông là người ký tên nộp tiền và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) và ông giao giấy đất cho người mua đất để thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Lúc ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và đi đóng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự, ông chủ động đi trả nợ, đóng tiền án phí chứ không thông báo cho bà Huỳnh A biết.

***Bị đơn - bà Huỳnh A trình bày:*** Trước đây, ông Lê Hữu T có vay Ngân hàng một số tiền, ông T buộc bà phải ký tên vào hợp đồng tín dụng thì ông T mới vay được tiền, bà không biết chữ nên đã ký cùng ông T. Sau khi ly hôn, ông T đã bán hết phần đất ông bà nội của ông T để lại trả nợ Ngân hàng. Nay ông T yêu cầu bà phải trả số tiền nợ Ngân hàng và tiền đóng án phí dân sự sơ thẩm số tiền tổng cộng là 383.071.956 đồng, bà không đồng ý. Lý do là ông T vay tiền nhưng bà không biết số tiền cụ thể bao nhiêu, vay vì mục đích gì,

bà không sử dụng số tiền đó, mặc dù tài sản là đất do ông bà nội của ông T để lại nhưng trong thời kỳ hôn nhân, bà có đóng góp công sức và trên đất có căn nhà do hai vợ chồng bà tạo lập nên việc ông T bán tài sản trả nợ là tài sản chung của vợ chồng. Hiện bà đang sống cùng mẹ ruột của bà, bản thân không đủ khả năng tài chính, bà không đồng ý yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 553/2021/HNGĐ-ST ngày 31/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, đã quyết định:

"Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Lê Hữu T về việc yêu cầu bà Huỳnh A phải hoàn trả lại cho ông T tổng cộng số tiền là 383.071.956 đồng, trong đó gồm: 375.000.000 đồng mà ông T đã trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long và 8.071.956 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông T phải nộp là 19.153.598 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.576.799 đồng theo biên lai số 0083114 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, ông T còn phải nộp bổ sung án phí là 9.576.799 đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền..."

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án

Ngày 03/6/2021, ông Lê Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu T - Ông Đỗ Thanh B trình bày:*

Tại phiên tòa hôm nay ông T xin thay đổi nội dung khởi kiện cụ thể, yêu cầu bà Huỳnh A phải hoàn trả lại cho ông T ½ số tiền 644.821.802 đồng, là 322.410.901 đồng mà ông đã trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long và ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 16.143.913 đồng, là 8.071.956 đồng. Tổng cộng buộc bà Huỳnh A phải hoàn trả cho ông T số tiền là 330.482.857 đồng.

** Bà Huỳnh A vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Ông T kháng cáo đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, theo HĐTD số 1333/HĐTD ngày 12/9/2013 thì ông T, bà A có vay của Ngân hàng 300.000.000 đồng. Theo QĐ số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 12/3/2019 thì ông T và bà A có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi là 707.195.628 đồng, ông T cho rằng đã trả nợ cho Ngân hàng xong nhưng tại Giấy nộp tiền ngày 28/8/2019 thể hiện ông nộp vào 750.000.000 đồng để tất toán HĐTD, nhưng không rõ là tất toán cho khoản vay nào và số tiền nộp vào không đúng với số tiền ghi trong QĐ số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 12/3/2019, điều này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Nguồn gốc thửa số 578 tờ bản đồ 23 tại xã Trung An, huyện Củ Chi, theo lời khai của các đương sự là của ông bà nội ông T cho, để ông T và bà A sau khi cưới nhau ra ở riêng, sau đó cả hai cùng bỏ tiền ra xây dựng nhà cấp 4 trên đất. Ngày 27/02/2010 ông T được UBND huyện Củ Chi cấp GCNQSDĐ số CH27523 trong thời kỳ hôn nhân, nay ông T tự động bán toàn bộ nhà và đất để trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến giá trị công trình xây dựng trên đất có sự đóng góp của bà A là chưa đầy đủ.

Tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/9/2013 thì mục đích sử dụng tiền vay là kinh doanh, tại phiên tòa ngày 26/5/2021 đại diện theo ủy quyền của ông T khai vay để trả nợ cho bà A, tại phiên tòa phúc thẩm lại khai vừa trả nợ vừa kinh doanh, phía bà A khai không nhận tiền, không biết ông T vay làm gì. Những mâu thuẫn này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông T khai đã bán toàn bộ nhà, đất nêu trên cho ông Thắng với giá là 2.300.000.000 đồng, nhưng trên Hợp đồng chuyển nhượng lại ghi là 70.000.000 đồng, điều này chưa được làm rõ.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Hữu T làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Bà Huỳnh A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh A.

[3] Xét thấy, theo HĐTD số 1333/HĐTD ngày 12/9/2013 thì ông T và bà A vay 300.000.000 đồng với mục đích sử dụng tiền vay để kinh doanh. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/5/2021, ông T khai vay để trả nợ cho bà A do bài bạc nhưng bà A không thừa nhận và cho rằng bà không biết ông T vay để làm gì, không sử dụng số tiền vay, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/01/2022 ông T khai vừa trả nợ bài bạc vừa để kinh doanh. Những mâu thuẫn này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu xác định chính xác số tiền ông T đã trả cho Ngân hàng là bao nhiêu (Theo "Giấy nộp tiền" ngày 28/8/2019 do ông T xuất trình ghi nộp 750.000.000 đồng để tất toán HĐTD nhưng không rõ là trả cho khoản vay thuộc HĐTD nào; còn theo "Sao kê giao dịch account vay" cũng do ông T xuất trình ghi ngày 28/8/2019 thanh lý tổng cộng số tiền là 644.821.802 đồng).

[5] Tại phiên tòa ông T và bà A đều thừa nhận tài sản thế chấp để vay tiền Ngân hàng ngoài diện tích 1544,6m$^2$ tọa lạc trên thửa đất số 578, tờ bản đồ số 23 tại xã Trung An, huyện Củ Chi, TP.HCM còn có căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông T, bà A xây dựng vào năm 2006 khi cả hai đang chung sống, đến ngày 27/02/2010 ông T được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27523.10.000088 trong thời kỳ hôn nhân. Sau đó ông T đã tự ý bán toàn bộ nhà, đất nêu trên để trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra xem xét đến giá trị công trình xây dựng trên đất có sự đóng góp của bà A là xem xét chưa đầy đủ, chưa xác định chính xác số tiền chuyển nhượng nhà, đất nêu trên là bao nhiêu, có đủ để thi hành theo QĐ số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 12/3/2019 hay không, điều này ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự.

[6] Ngoài ra, ông T khai hiện nay gia đình ông T (có mẹ ông T) vẫn đang ở trong căn nhà trên mặc dù đã bán toàn bộ nhà, đất cho ông Thắng. Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án chưa xác minh, điều tra làm rõ nhà, đất thế chấp nêu trên là tài sản chung của những ai hay là tài sản riêng của ông T, nhưng đã nhận định "…Do ông T bán tài sản đã thế chấp cho Ngân

hàng để trả nợ, ông T không bán tài sản riêng của mình để trả khoản nợ chung …” để bác toàn bộ yêu cầu của ông T là chưa đủ căn cứ.

[7] Từ nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 553/2021/HNGĐ-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Hữu T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0086275 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Uyên** **Nguyễn Hoàng Anh** **Quách Thanh Bình**



***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND H. Củ Chi (kèm hs);
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi Cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: TGĐ, hồ sơ, TB (20).




**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thanh Bình**